

Số: 66/TB-CNHCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2024

## THÔNG BÁO

### Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản xe ô tô bán thanh lý của Chi nhánh Tổng công ty Giấy Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ quyết định số 45/QĐ-GVN.HN ngày 09/01/2023 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Giấy Việt Nam về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh Tổng Công ty Giấy Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật đấu giá tài sản số: 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc Hội;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính Quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính Quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản,

Căn cứ Thông tư số: 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Luật giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023 của Quốc hội và Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giá;

Căn cứ Công văn số 2995/GVN-TCKT.PT ngày 19/08/2024 của Tổng công ty Giấy Việt Nam về việc tổ chức bán thanh lý tài sản cố định;

Căn cứ Quyết định số 64/QĐ-CNĐN ngày 12/9/2024 của Chi nhánh Tổng công ty Giấy Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh về việc giá khởi điểm bán đấu giá tài sản xe ô tô của Chi nhánh Tổng công ty Giấy Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh;

Chi nhánh Tổng công ty Giấy Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản xe ô tô bán thanh lý của Chi nhánh Tổng công ty Giấy Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, cụ thể sau:

#### 1. Đơn vị thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

- Tên đơn vị: Chi nhánh Tổng công ty Giấy Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh.

- Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

## 2. Tài sản bán đấu giá:

- Xe ô tô Toyota Camry 3.0V, biển kiểm soát 52T – 9080.
- Xe ô tô Kia Sorento, biển kiểm soát 51A–157.74.

## 3. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

- **Xe Toyota Camry: 100.000.000 đồng** (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn), đã bao gồm thuế GTGT.

- **Xe Kia Sorento: 165.000.000 đồng** (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng chẵn), đã bao gồm thuế GTGT.

## 4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản:

Hồ sơ đăng ký thể hiện được đầy đủ tiêu chí quy định tại Điều 3 và Phụ lục I Thông tư số: 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản và các tiêu chí khác do bên có tài sản bán đấu giá quy định cụ thể theo bảng tiêu chí đánh giá đối với hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá (theo phụ lục chi tiết đính kèm).

## 5 Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ:

+ Thời gian: Trước 16<sup>h</sup>30 ngày 27/9 /2024.

+ Địa điểm: Chi nhánh Tổng công ty Giấy Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh;

Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

+ Điện thoại liên hệ: 0283.8225659

+ Trong trường hợp có nhiều đơn vị được đánh giá có điểm cao nhất bằng nhau thì căn cứ vào Hồ sơ năng lực của Tổ chức đấu giá cũng như nhu cầu Chi nhánh Tổng công ty Giấy Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh sẽ xem xét đánh giá dựa trên một số tiêu chí khác để lựa chọn được tổ chức đấu giá cho phù hợp.

Chi nhánh Tổng công ty Giấy Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh trân trọng thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản biết và đăng ký./.

### Nơi nhận:

- Công thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản (Đăng TB);
- Phòng Truyền thông (Đăng TB);
- Lưu: TCKT, TCHC.

**GIÁM ĐỐC**



**Vũ Thảo Nguyên**

**PHỤ LỤC: BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

*(Kèm theo Thông báo số 66/TB-CNHCM, ngày 27/9/2024 của Chi nhánh Tổng công ty Giấy Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh)*

| <b>TT</b> | <b>NỘI DUNG</b>  | <b>MỨC CHẤM ĐIỂM TỐI ĐA</b> |
|-----------|--|-----------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Nhóm Tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá quyền sử dụng đất</b>  | <b>23</b>                   |
| 1         | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá  | 11                          |
| 1.1       | <i>Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)</i>  | 6                           |
| 1.2       | <i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện.</i>  | 5                           |
| 2         | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá  | 8                           |
| 2.1       | <i>Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác đảm bảo cho việc đấu giá</i>   | 4                           |
| 2.2       | <i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá.</i>   | 4                           |
| 3         | Có trang thông tin điện tử đang hoạt động.   | 2                           |
| 4         | Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến.   | 1                           |
| 5         | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá.  | 1                           |
| <b>II</b> | <b>Nhóm Tiêu chí Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án).</b>  | <b>22</b>                   |
| 1         | Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan.   | 4                           |
| 2         | Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao. | 4                           |
| 3         | Phương án đấu giá đề xuất cách bảo mật thông tin, chống thông đồng, đim giá.   | 4                           |
| 4         | Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá.   | 4                           |

|            |  |           |
|------------|--|-----------|
| 5          | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá.   | 3         |
| 6          | Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá.  | 3         |
| <b>III</b> | <b>Nhóm Tiêu chí năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản</b>   | <b>45</b> |
| 1          | Trong năm 2023 đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản bán thanh lý giá khởi điểm $\geq 2$ tỷ (Chỉ chọn chấm điểm một trong các Tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5)  | 6         |
| 1.1        | Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)   | 2         |
| 1.2        | Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng  | 3         |
| 1.3        | Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng  | 4         |
| 1.4        | Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng  | 5         |
| 1.5        | Từ 30 hợp đồng trở lên   | 6         |
| 2          | Trong năm 2023 đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá tài sản bán thanh lý giá khởi điểm $\geq 02$ tỷ đồng có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Chỉ chọn chấm điểm một trong các Tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5) | 18        |
| 2.1        | Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)  | 10        |
| 2.2        | Từ 20 % đến dưới 40%   | 12        |
| 2.3        | Từ 40 % đến dưới 70%   | 14        |
| 2.4        | Từ 70 % đến dưới 100%  | 16        |
| 2.5        | Từ 100% trở lên  | 18        |
| 3          | Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Chỉ chọn chấm điểm một trong các Tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3)  | 5         |
| 3.1        | Dưới 03 năm  | 3         |
| 3.2        | Từ 03 năm đến dưới 05 năm  | 4         |
| 3.3        | Từ 05 năm trở lên  | 5         |
| 4          | Số lượng đấu giá viên của Tổ chức đấu giá tài sản (Chỉ chọn chấm điểm một trong các Tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3)  | 3         |
| 4.1        | 01 đấu giá viên  | 1         |
| 4.2        | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên   | 2         |

|     |   |          |
|-----|---|----------|
| 4.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên  | 3        |
| 5   | Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên tính từ thời điểm được cấp thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản ( <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các Tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3</i> ) | 4        |
| 5.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên  | 2        |
| 5.2 | Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên  | 3        |
| 5.3 | Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên   | 4        |
| 6   | Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng ( <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các Tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4</i> )  | 5        |
| 6.1 | Dưới 50 triệu đồng  | 2        |
| 6.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng  | 3        |
| 6.3 | Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng   | 4        |
| 6.4 | Từ 200 triệu đồng trở lên   | 5        |
| 7   | Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động ( <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các Tiêu chí 7.1 hoặc 7.2</i> )   | 3        |
| 7.1 | Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)   | 2        |
| 7.2 | Từ 03 nhân viên trở lên   | 3        |
| 8   | Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản năm 2022 hoặc năm 2023  | 1        |
| IV  | <b>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp (<i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các Tiêu chí 1, 2 hoặc 3</i>)</b>  | <b>5</b> |
| 1   | Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính   | 3        |
| 2   | Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)   | 4        |
| 3   | Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)   | 5        |

|                     |  |                    |
|---------------------|--|--------------------|
| V                   | Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định | 5                  |
| <b>Tổng số điểm</b> |  | <b>100</b>         |
| VI                  | Có tên trong danh sách các Tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố         |                    |
| 1                   | Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố             | Đủ điều kiện       |
| 2                   | Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố       | Không đủ điều kiện |